TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 351/2020/QĐST- HNGĐ	*Đông Anh, ngày 15 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 356/2020/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đình N, sinh ngày 21/01/19xx, giấy chứng minh nhân dân số 14273xxxx do Công an tỉnh HD cấp ngày 06/7/2015.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Khu dân cư số x, phường BT, thị xã CL, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Chị Lê Thị H, sinh ngày 30/10/19xx, chứng minh nhân dân số 00119000xxxx do Cục cảnh sát cấp ngày 19/11/2015.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Đội x, thôn HD, xã KC, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Đình N và chị Lê Thị H.

2/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- ***Về con chung***: Anh chị có một con chung là: Nguyễn Gia B, sinh ngày 20/3/2014. Ly hôn, anh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu B và chị H cấp dưỡng nuôi con chung cho anh N mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ tháng 7 năm 2020 cho đến khi con chung của anh chị thành niên hoặc có sự thay đổi khác.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung**: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) mỗi bên chịu 1/2, hai bên thoả thuận để anh N chịu cả, nhưng được trừ vào 300.000 đồng anh đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/001xxxx ngày 01/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Anh N được hoàn trả số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Thẩm phán

Nguyễn Thị Thu Thanh

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Toà án Hà Nội;
- Thi hành án dân sự;
- UBND xã KC, huyện ĐA, Hà Nội (GCN kết hôn số 47 ngày 27/4/2013);
- Lưu hồ sơ vụ án.